

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2022
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**;

2. Bà **Dương Triết Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lam Em** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị P**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 5/56, ấp Chí Thành, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại: 0945660013.

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn R**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp Tây Bình B, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày: Chị Lê Thị P với anh Võ Văn R chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị P và mẹ ruột của anh R thường hay cự cãi, anh R không hòa giải được từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Tháng 7/2009 chị về nhà mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn R. Về con chung: Sau khi ly hôn, chị P đồng ý giao con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007 cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng, chị sẽ không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Võ Văn R: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh R đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của anh R.

Nguyện vọng của con chung: Tại Biên bản ghi nhận ý kiến của người chưa thành niên ngày 18/11/2022 cháu Võ Thị Hồng A có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị P, anh R tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị Miêng thể hiện: Chị Miêng là chị dâu họ của chị P, anh R là chồng của chị P. Anh R và chị P có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007, hiện đang sống với cha. Vợ chồng chị P, anh R đã ly thân do gia đình hai bên không thuận, mẹ chồng nàng dâu thường xuyên cự cãi mà dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng vì anh R không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị P vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Võ Văn R vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị P và Võ Văn R. Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007 cho anh Võ Văn R được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị P khởi kiện ly hôn đối với Võ Văn R, tuy nhiên chị P trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Văn R có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tây Bình B, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa anh R vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị Lê Thị P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của người làm chứng có căn cứ xác định chị P và anh R chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng, chị P và anh R không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2009 đến nay. Xét thấy, chị P và anh R là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của chị P và anh R không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P mà giải quyết không công nhận chị P và anh R là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ chị P cung cấp cũng như lời khai của người làm chứng thì chị P, anh R có 01 con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007 (hiện đang sống với cha). Nhận thấy cháu A có nguyện vọng được sống với cha, anh R đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung và đã

nuôi cháu A từ nhỏ cho đến hiện tại, bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án chị P cũng đồng ý giao con chung cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007 cho anh R được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của cháu; Anh R phải tạo điều kiện cho chị P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết chị P có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị P và anh Võ Văn R là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Anh Võ Văn R được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thị Hồng A, sinh ngày 04/11/2007. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án

hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Thị P. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị P trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Lê Thị P và Võ Văn R phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009410 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị P đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Võ Văn R không phải chịu án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Chánh, h. Thoại Sơn;
- UBND xã Tân Thành, h. Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên

